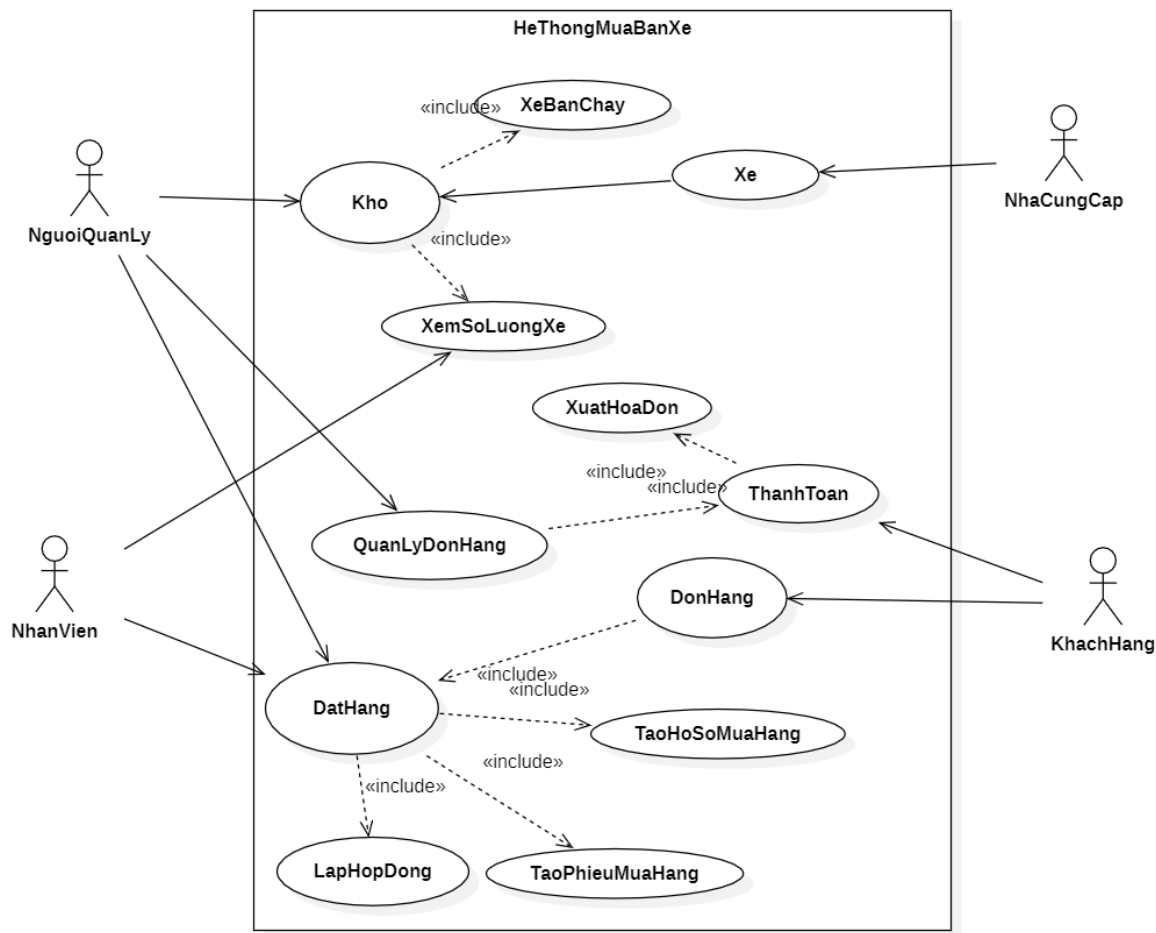


# KIỂM TRA GIỮA KỲ

## 1. Sơ đồ Use case



## 2. Đặc tả use case

### a) Use case ThanhToan

Tên usecase	Thanh toán
Tác nhân	Khách hàng, nhân viên
Mô tả	Nhân viên vào hệ thống chọn chức năng thanh toán, chọn hóa đơn cho khách hàng

Điều kiện tiên quyết	Khách hàng xác nhận đặt hàng
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhân viên vào hệ thống</li> <li>2. Chọn mục thanh toán</li> <li>3. Nhân viên tạo hóa đơn mới</li> <li>4. Nhân viên yêu cầu các thông tin từ người dùng</li> <li>5. Nhân viên chọn xác nhận thanh toán</li> <li>6. Xuất hóa đơn</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Trường hợp quá thời gian thanh toán : <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hủy hóa đơn</li> <li>- Quay lại dòng sự kiện chính ở bước 3</li> </ul>

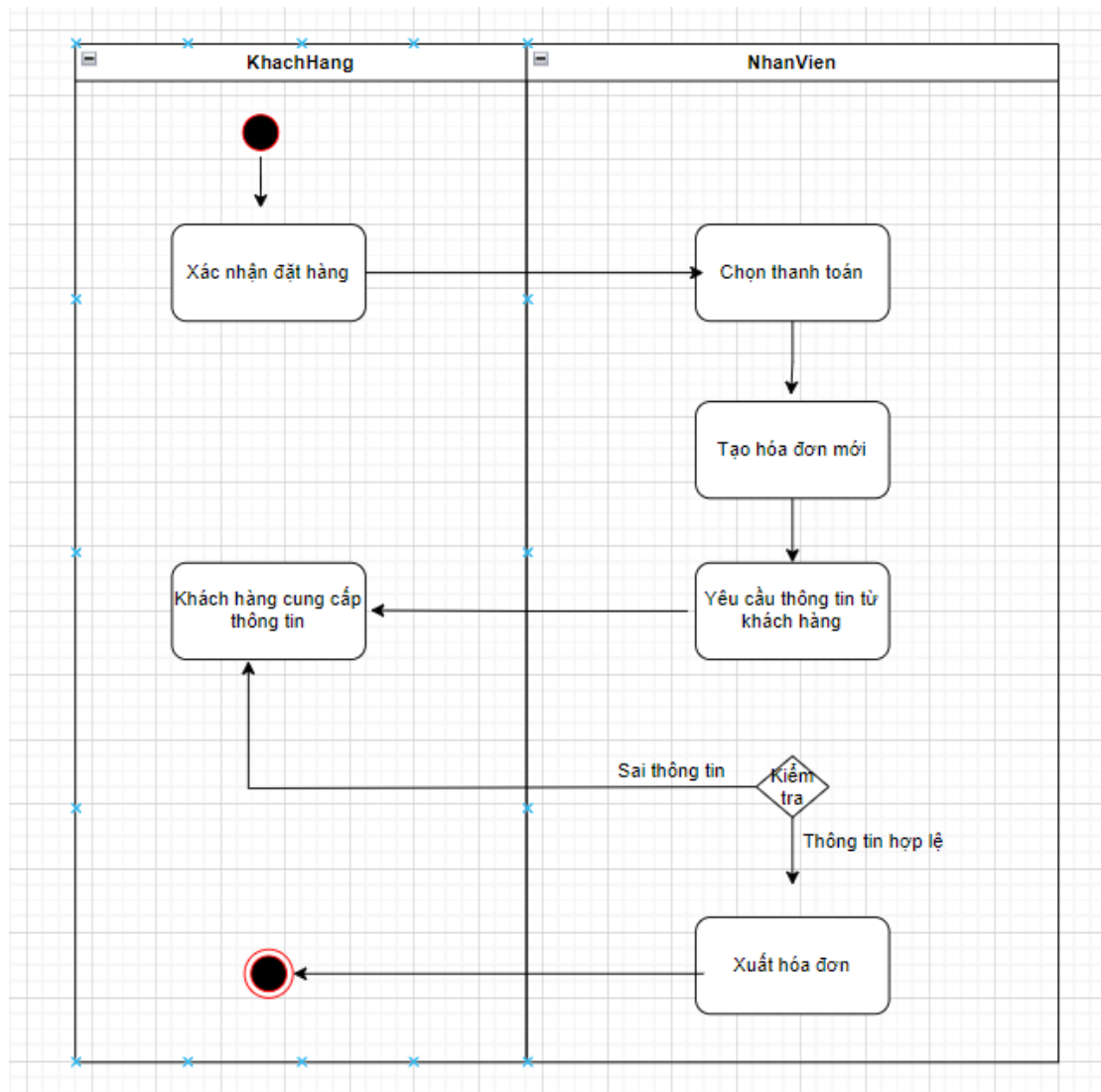
#### b) Use case DatHang

Tên usecase	Đặt hàng
Tác nhân	Khách hàng, nhân viên, người quản lí
Mô tả	Nhân viên vào hệ thống chọn chức năng thanh toán, chọn hóa đơn cho khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng xác nhận mua hàng
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhân viên vào hệ thống</li> <li>2. Yêu cầu thông tin từ người dùng</li> <li>3. Tạo hồ sơ mua hàng</li> <li>4. Tạo phiếu mua hàng</li> <li>4. Lập hợp đồng</li> <li>5. Chuyển qua use case thanh toán</li> </ol>
Dòng sự kiện phụ	Trường hợp người dùng hủy đặt hàng <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hủy tất cả thông tin</li> </ul>

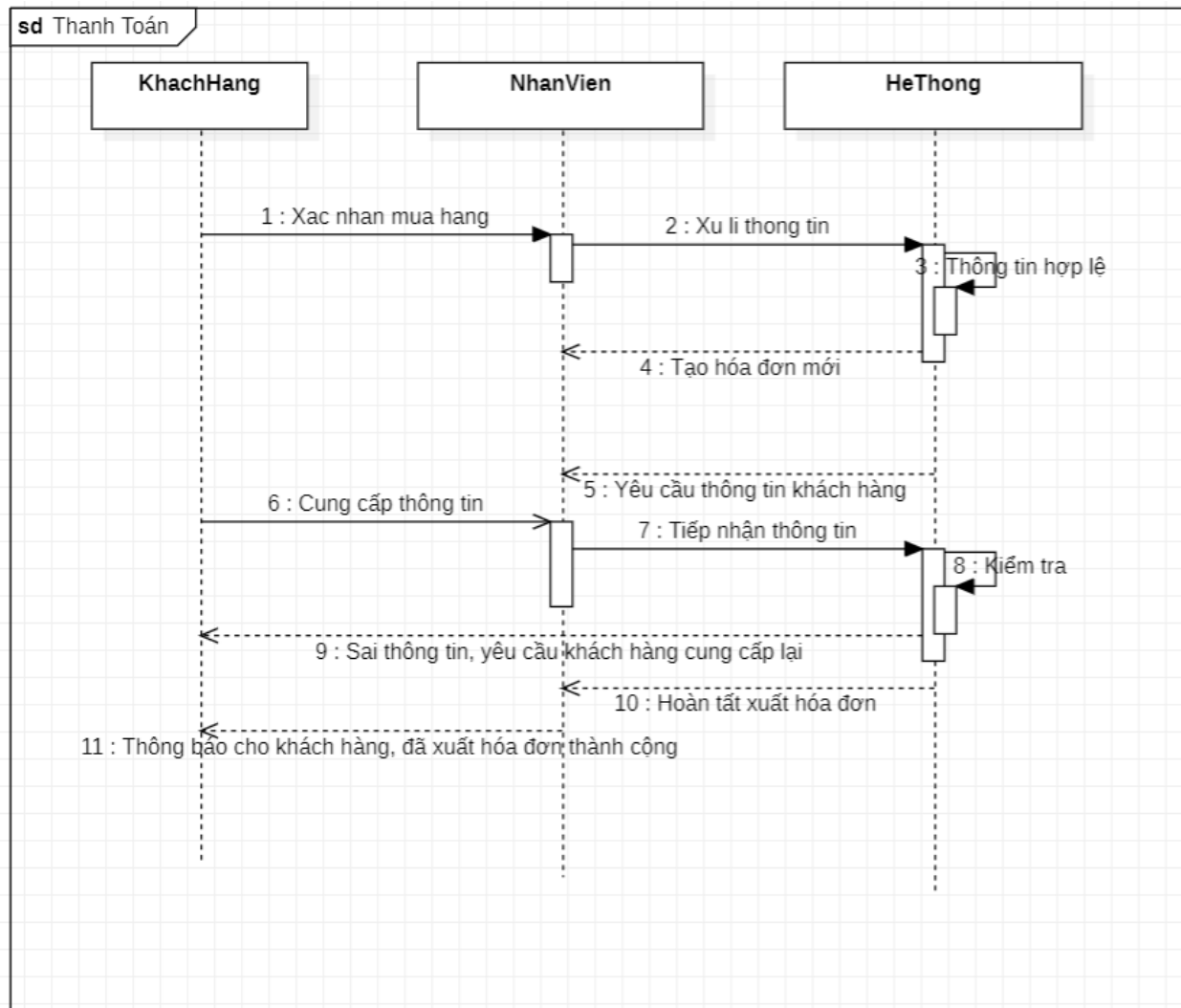
### 3. Vẽ sơ đồ hoạt động

#### 3.1 ) Usecase thanh toán

##### a) Sơ đồ hoạt động

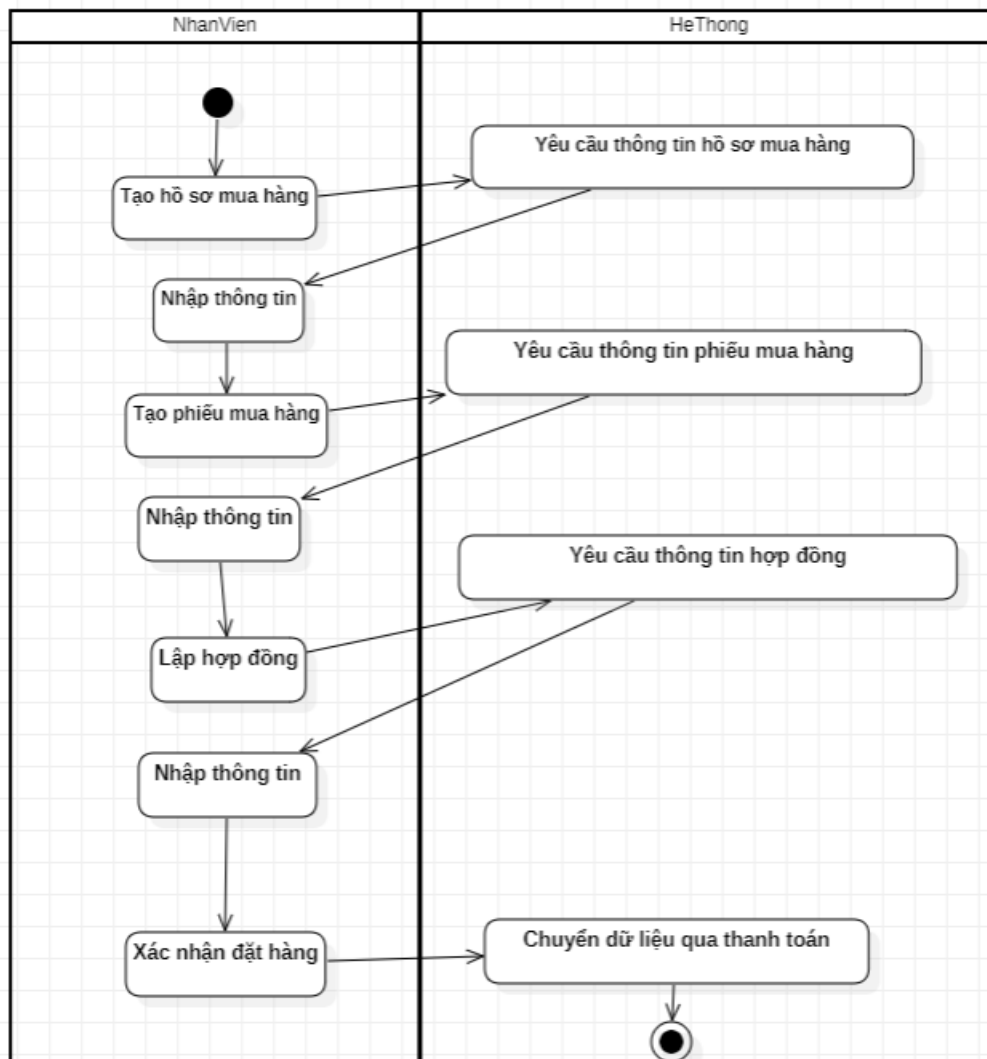


##### b) Sơ đồ tuần tự

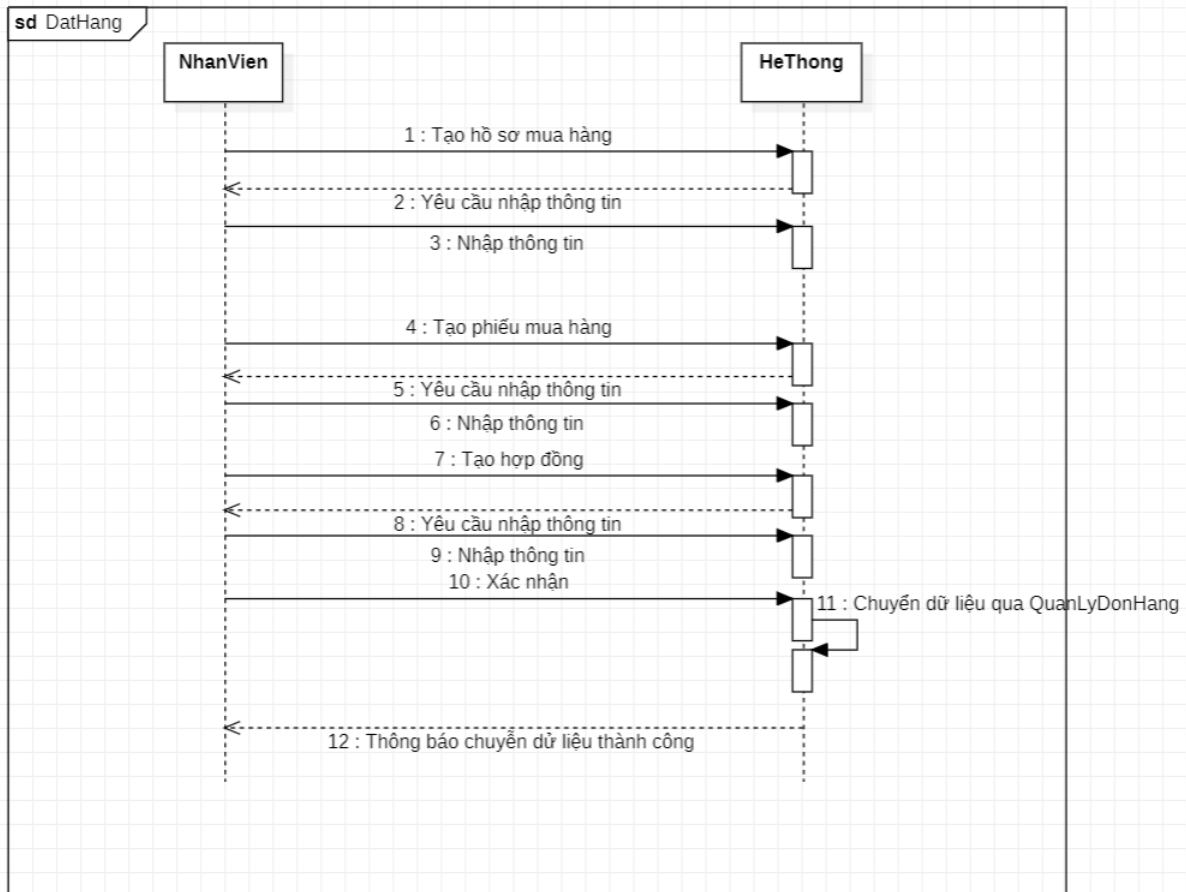


### 3.2 Usecase đặt hàng

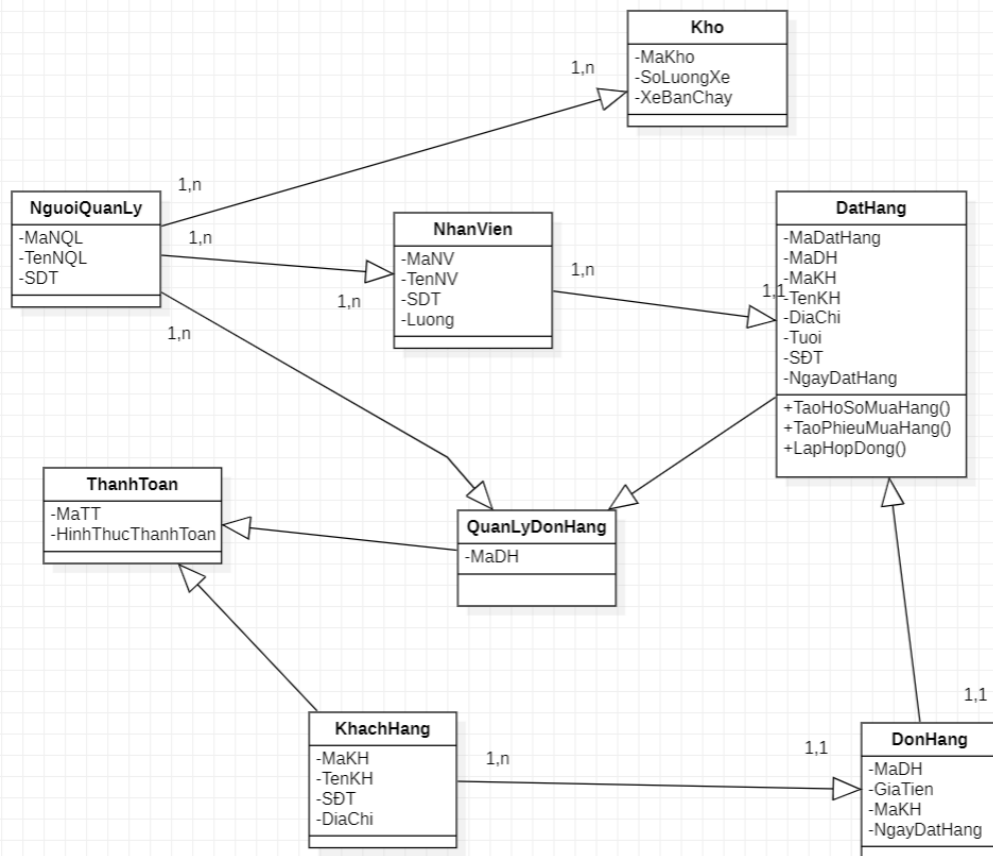
#### a)Hoạt động



**b)Tuần tự**



#### 4. Class Diagram



## 5. Sơ đồ CSDL quan hệ

